TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 10/10/2022
V/v: "Ly hôn; tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu**

Các Thẩm phán: Ông **Đỗ Minh Nhựt**

Bà **Thái Thị Thanh Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Thế Mạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân thành phố Long Khánh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐ-PT ngày 13/9/2022 và Quyết định ngưng phiên tòa số 67/2022/QĐ-PT ngày 29/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hồng Đ**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Z2, đường Z phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ liên lạc: Z1, đường Z, phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đ: Luật sư Phùng Văn Tr - Văn phòng luật sư ĐPQ – Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: AMT Lê Thị R, phường Th, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Lê Tấn T**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Z3, đường Nguyễn Hữu C, khu phố X1, phường X1, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo án sơ thẩm

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Năm 2012 Chị và anh Lê Tấn T quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, thời điểm này chị và anh T quen nhau thì anh T đang có vợ và con. Quen một thời gian thì hai người có chung một người con là cháu Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 29/8/2013. Chị và anh không chung sống với nhau mà chị và cháu N thuê phòng trọ ở riêng tại Long Khánh để làm nghề kiếm tiền sinh sống. Từ khi cháu N sinh ra, chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu, anh T không quan tâm đến mẹ con chị. Đến năm 2019 chị và cháu N về Bà Rịa Vũng Tàu sinh sống cùng với mẹ đẻ của chị và cho cháu N học tập tại Vũng Tàu. Nay để chấm dứt mối qua hệ giữa chị và anh T chị đề nghị Tòa án thành phố Long Khánh giải quyết ly hôn không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung: Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 29/8/2013, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ khả năng nuôi con. Lý do chị yêu cầu được nuôi con vì cháu từ nhỏ chị là người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và được cho ăn học đầy đủ, từ khi chị về Vũng Tàu sinh sống, anh T không quan tâm đến chị và cháu. Trước khi anh T bắt cháu N về Long Khánh thì cháu đang học lớp 2 ở Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng khi anh T đưa cháu về Long Khánh thì cháu không được học hành đầy đủ và hiện nay cháu đã thất học và gia đình anh T không cho chị gặp con. Mặt khác anh T đã có 2 đời vợ và 03 người con riêng và hiện nay anh đang ở với vợ và 01 người con riêng, còn cháu N thì anh T không phải là người trực tiếp nuôi mà bà nội (Nguyễn Thị Kim P) đang chăm sóc nuôi dưỡng nên việc giao con cho anh T sẽ không đảm bảo.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

+ Bị đơn anh Lê Tấn T trình bày:

Vào năm 2012, anh và chị Nguyễn Hồng Đ có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau nhưng không chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định. Thời điểm này anh đang có vợ và con, nên không công khai mối quan hệ này. Anh và chị có một người con chung là cháu Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 29/8/2013, sau khi sinh con, chị Đ là người trực tiếp nuôi con, anh có phụ tiền để nuôi con. Đến năm 2021 chị Đ đi lấy chồng Đài Loan nên anh xuống đưa cháu về Long Khánh sinh sống với bà nội là bà Nguyễn Thị Kim P và cho đi học tại trường tiểu học Nguyễn Thái B. Hiện nay, cháu đang sống chung với bà Nguyễn Thị Kim P gần

nhà anh và cháu N có nguyện vọng ở với bà nội và anh. Nay chị Đ yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị là vợ chồng thì anh không có ý kiến gì.

- Về con chung: Anh và chị Đ có 01 người con chung: Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 29/8/2013, chị yêu cầu được nuôi con anh không đồng ý. Anh yêu cầu Tòa án giao cháu N cho anh được nuôi dưỡng vì anh và bà nội cháu có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu N và hiện nay cháu muốn ở với anh và bà nội. Chị Đ không có công việc, thu nhập ổn định và không có đủ điều kiện kinh tế để nuôi cháu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh đã áp dụng Điều 14, 15, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Hồng Đ và anh Lê Tấn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Buộc anh Lê Tấn T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 29/8/2013 cho chị Nguyễn Hồng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2022, bị đơn anh Lê Tấn T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 29/8/2013 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

** Ý kiến của luật sư bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đ:*

Chị Đ và anh T quen nhau, có quan hệ tình cảm dẫn đến chị Đ có thai. Sau khi sinh, một mình chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng con, anh T không quan tâm, chăm sóc con chung. Hiện nay, anh T làm kinh doanh tự do, công việc không ổn định lại phải nuôi 03 người con là không đảm bảo kinh tế. Chị Đ có điều kiện kinh tế tốt, thu nhập ổn định mỗi tháng 8.466.000đ, có nhà đất cho thuê và hàng tháng chị gái cùng chồng hiện tại của chị Đ có cho chị Đ tiền để nuôi con. Mặt khác, chị Đ chỉ có một mình cháu N là con và từ khi sinh đến nay chị Đ là người trực tiếp nuôi con, hiện cháu đã 9 tuổi, sắp đến tuổi dậy thì, cần tự quan tâm

chăm sóc của mẹ. Do đó, đề nghị bác kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cháu N cho chị Đ nuôi dưỡng.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm giao cháu N cho chị Đ nuôi dưỡng là có căn cứ bởi lẽ: Khi chị Đ quen anh T và sinh cháu N năm 2013, thì anh T đang có vợ con, nên chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hiện tại, cả anh T và chị Đ đều có điều kiện kinh tế để nuôi con, nhưng do cháu N là con gái, đang đến tuổi phát triển về tâm sinh lý, nên cần mẹ bên cạnh để chia sẻ, chăm sóc. Tại phiên tòa phúc thẩm, cháu N khai muốn ở với anh T, tuy nhiên, chị Đ cung cấp video cuộc nói chuyện giữa cháu N với gia đình chị Đ, qua đó thể hiện cháu N muốn sống với mẹ nhưng bà nội không cho. Như vậy, có thể thấy mặc dù hiện nay cháu có nguyện vọng ở với bố nhưng trước đó cháu vẫn muốn ở với mẹ. Do đó, đề nghị bác kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh T làm trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Lê Tấn T đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 29/8/2013 cho anh T nuôi dưỡng, nhận thấy:

Anh T cho rằng chị Đ không có nơi ở cố định, công việc liên tục thay đổi và không ổn định, hay đi xa nên không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung. Tuy nhiên, theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện, từ khi sinh cháu N đến năm 2021, chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Thời gian này, anh T đang có gia đình riêng, nên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Đến năm 2021 anh T mới đưa cháu N từ Bà Rịa - Vũng Tàu về Long Khánh, nhưng lại để mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn anh T đang sống cùng vợ con tại nhà riêng cách nhà bà Phượng 20m. Quyền của trẻ em là được sống cùng cha, mẹ và nghĩa vụ của

cha mẹ là chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nhưng thực tế từ khi đưa cháu N về (năm 2021), anh T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con mà lại giao cho mẹ ruột nuôi là không đảm bảo quyền lợi của trẻ. Mặt khác, cháu N là con gái, đang ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, cần sự gần gũi, quan tâm chăm sóc của mẹ. Do đó, cấp sơ thẩm giao cháu N cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật. Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình, nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Tấn T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

[4] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Tấn T, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

Áp dụng Điều 14, 15, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Hồng Đ và anh Lê Tấn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Anh Lê Tấn T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 29/8/2013 cho chị Nguyễn Hồng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Đ đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005210 ngày 02/12/2021 của Thi hành án dân sự Thành phố Long Khánh được trừ vào án phí chị Đ phải chịu.

Anh T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005706 ngày 06/6/2022 của Thi hành án dân sự Thành phố Long Khánh được trừ vào án phí anh T phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Thu